

Số: 06/KSLC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: LCM
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0214.383.0036 Fax:
- Email: [khoangsanlaocai86@gmail.com](mailto:khoangsanlaocai86@gmail.com)
- Website: <https://khoangsanlaocai.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

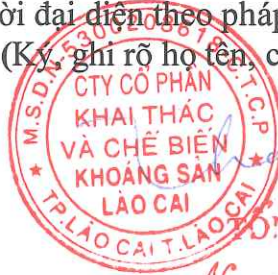
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2025 tại đường dẫn: <https://khoangsanlaocai.vn/>

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

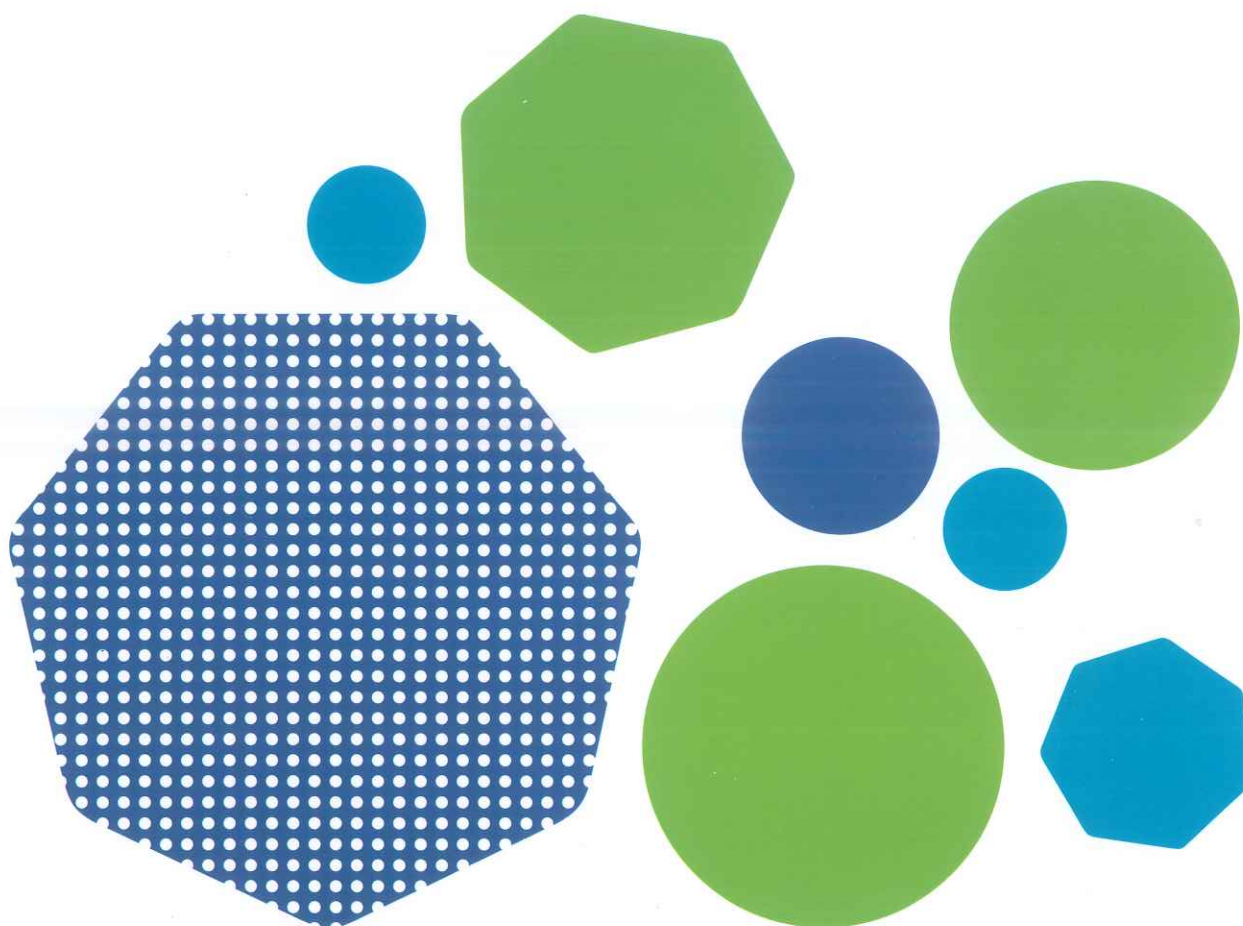
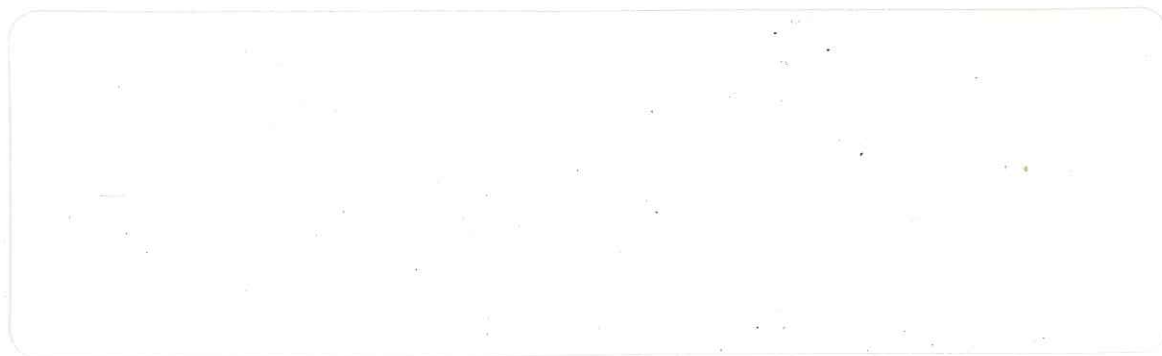
**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC
- Văn bản giải trình



**ĐỒNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Thịnh*





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**

Tháng 03 năm 2025

## **MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                        | <b><u>TRANG</u></b> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 2 - 3               |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 4 - 5               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 6 - 7               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 9                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 10 – 28             |



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                      |            |
|----------------------|------------|
| Ông Vũ Đình Vinh     | Chủ tịch   |
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Thành viên |
| Ông Ngô Trường An    | Thành viên |
| Ông Hoàng Quốc Tùng  | Thành viên |
| Ông Bùi Thanh Bình   | Thành viên |

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Tổng Giám đốc     |
| Ông Ngô Trường An    | Phó Tổng Giám đốc |

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Đức Thắng.

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hoa.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



  
**Nguyễn Đức Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Số: 356/2024/UHYHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập Ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Chúng tôi không tiếp cận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 24,145 tỷ VND và của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 23,769 tỷ VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị gốc và lãi tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 55,129 tỷ VND và 855 triệu VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.

Tại ngày 31/12/2024, trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 35.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng nêu trên.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 133,144 tỷ VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và chưa được gia hạn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” nêu trên, tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



**Đặng Minh Đức**

**Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4885-2025-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025*

**Lại Trường Dương**

**Kiểm toán viên**

Giấy ĐKHN kiểm toán số: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2024

| TÀI SẢN                                 | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2024<br>VND      | 01/01/2024<br>VND      |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                 | <b>100</b> |             | <b>59.404.271.007</b>  | <b>42.525.276.289</b>  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền      | 110        | 4           | 217.284.998            | 506.637.981            |
| Tiền                                    | 111        |             | 217.284.998            | 506.637.981            |
| Các khoản phải thu ngắn hạn             | 130        |             | 57.204.545.572         | 40.122.452.099         |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng        | 131        | 6           | 18.502.713.000         | 5.099.981.976          |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn        | 132        |             | 799.964.407            | 799.964.407            |
| Phải thu ngắn hạn khác                  | 136        | 8           | 37.901.868.165         | 34.222.505.716         |
| Hàng tồn kho                            | 140        | 9           | 322.350.000            | 107.900.000            |
| Hàng tồn kho                            | 141        |             | 322.350.000            | 107.900.000            |
| Tài sản ngắn hạn khác                   | 150        |             | 1.660.090.437          | 1.788.286.209          |
| Thuế GTGT được khấu trừ                 | 152        |             | 1.660.090.437          | 1.788.286.209          |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                  | <b>200</b> |             | <b>110.914.384.286</b> | <b>97.492.316.732</b>  |
| Các khoản phải thu dài hạn              | 210        |             | 55.300.177.000         | 41.300.177.000         |
| Phải thu về cho vay dài hạn             | 215        | 7           | 55.129.000.000         | 41.129.000.000         |
| Phải thu dài hạn khác                   | 216        | 8           | 171.177.000            | 171.177.000            |
| Tài sản cố định                         | 220        |             | 1.665.175.705          | 2.243.108.151          |
| Tài sản cố định hữu hình                | 221        | 10          | 1.665.175.705          | 2.243.108.151          |
| - Nguyên giá                            | 222        |             | 15.198.828.192         | 15.198.828.192         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                | 223        |             | (13.533.652.487)       | (12.955.720.041)       |
| Tài sản dở dang dài hạn                 | 240        |             | 6.034.365.131          | 6.034.365.131          |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang         | 242        | 11          | 6.034.365.131          | 6.034.365.131          |
| Đầu tư tài chính dài hạn                | 250        |             | 47.914.666.450         | 47.914.666.450         |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252        | 5           | 47.914.666.450         | 47.914.666.450         |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>170.318.655.293</b> | <b>140.017.593.021</b> |

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2024             | 01/01/2024             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             | VND                    | VND                    |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>46.337.763.894</b>  | <b>17.713.968.921</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>46.337.763.894</b>  | <b>17.713.968.921</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 12          | 40.478.857.560         | 11.888.214.587         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        |             | 356.020.240            | 355.042.240            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 14          | 431.545.116            | 431.545.116            |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 15          | 45.034.000             | 12.860.000             |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 13          | 2.230.000.000          | 2.230.000.000          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 2.796.306.978          | 2.796.306.978          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>123.980.891.399</b> | <b>122.303.624.100</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>123.980.891.399</b> | <b>122.303.624.100</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 246.330.000.000        | 246.330.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 246.330.000.000        | 246.330.000.000        |
| Cổ phiếu quỹ                                    | 415        |             | (1.910.000)            | (1.910.000)            |
| Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        |             | 5.145.322.665          | 5.145.322.665          |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                   | 420        |             | 2.796.306.978          | 2.796.306.978          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | (133.144.797.008)      | (134.773.923.533)      |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | (134.773.923.533)      | (137.900.081.576)      |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 1.629.126.525          | 3.126.158.043          |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát                 | 429        |             | 2.855.968.764          | 2.807.827.990          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                           | <b>440</b> |             | <b>170.318.655.293</b> | <b>140.017.593.021</b> |

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc









Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng



Mẫu số B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

| Chỉ tiêu   | Năm 2024  |             | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND        |
|--|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
|  | Mã số     | Thuyết minh |                       |                        |
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>01</b> | <b>17</b>   | <b>33.565.216.052</b> | <b>51.353.442.478</b>  |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        |             | -                     | -                      |
| <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> |             | <b>33.565.216.052</b> | <b>51.353.442.478</b>  |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                              | <b>11</b> | <b>18</b>   | <b>31.826.005.999</b> | <b>47.967.841.849</b>  |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>1.739.210.053</b>  | <b>3.385.600.629</b>   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | 19          | 2.117.748.097         | 2.382.222.498          |
| Chi phí tài chính                                    | 22        | 20          | 10.120.297            | 16.298.735             |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                     | 23        |             |                       |                        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết  | 24        |             | -                     | (12.652.310)           |
| Chi phí bán hàng                                     | 25        |             | -                     | -                      |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | 21          | 2.169.570.644         | 1.476.850.836          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>30</b> |             | <b>1.677.267.209</b>  | <b>4.262.021.246</b>   |
| Thu nhập khác  | 31        |             | -                     | -                      |
| Chi phí khác   | 32        | 22          | -                     | 1.017.021.974          |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                | <b>40</b> |             | <b>-</b>              | <b>(1.017.021.974)</b> |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>             | <b>50</b> |             | <b>1.677.267.209</b>  | <b>3.244.999.272</b>   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 51        |             | -                     | -                      |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                           | 52        |             | -                     | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>60</b> |             | <b>1.677.267.209</b>  | <b>3.244.999.272</b>   |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                    | 61        |             | 1.629.126.525         | 3.126.158.043          |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát       | 62        |             | 48.140.684            | 118.841.229            |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                      | <b>70</b> | <b>23</b>   | <b>66</b>             | <b>127</b>             |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                    | <b>71</b> | <b>23</b>   | <b>66</b>             | <b>127</b>             |

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*



*(Chữ ký)*

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Chỉ tiêu   | Năm 2024 |                  | Năm 2023         |
|--|----------|------------------|------------------|
|  | Mã số    | Thuyết minh      |                  |
|  |          | VND              | VND              |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>   |          |                  |                  |
| Lợi nhuận trước thuế   | 01       | 1.677.267.209    | 3.244.999.272    |
| Điều chỉnh cho các khoản   |          |                  |                  |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02       | 577.932.446      | 836.554.074      |
| Lãi, lỗ hoạt động đầu tư   | 05       | (2.117.748.097)  | (2.369.570.188)  |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                  | 08       | 137.451.558      | 1.711.983.158    |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09       | (24.779.472.586) | 7.388.294.014    |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10       | (214.450.000)    | -                |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11       | 28.623.794.973   | 2.843.943.026    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 20       | 3.767.323.945    | 11.944.220.198   |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |          |                  |                  |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác   | 23       | (40.500.000.000) | (14.629.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                   | 24       | 26.500.000.000   | 500.000.000      |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 27       | 9.943.323.072    | 78.332           |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30       | (4.056.676.928)  | (14.128.921.668) |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>  |          |                  |                  |
| Tiền thu từ đi vay   | 33       | -                | 2.230.000.000    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40       | -                | 2.230.000.000    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm  | 50       | (289.352.983)    | 45.298.530       |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60       | 4                | 506.637.981      |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm  | 70       | 4                | 217.284.998      |
|  |          |                  | 506.637.981      |

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 cấp lần đầu ngày 18/09/2002, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05/6/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 246.330.000.000 đồng chia thành 24.633.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác quặng kim loại quý hiếm.

#### 1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

#### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19 người).

#### 1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết:

|   | Tỷ lệ lợi<br>ích trực<br>tiếp | Tỷ lệ<br>quyền biểu<br>quyết | Hoạt động kinh<br>doanh chính           |
|---|-------------------------------|------------------------------|---|
| <b>Đầu tư vào Công ty con</b>                                 |                               |                              |   |
| - Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình                           | 95%                           | 95%                          | Khai thác quặng kim loại không chứa sắt |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>                |                               |                              |   |
| Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn                            | 35%                           | 35%                          | Hoạt động dịch vụ trồng trọt            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành | 33,25%                        | 35%                          | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại      |

#### 1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại 31/12/2024 lỗ lũy kế của công ty là 133.144.797.008 VND, , Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa được gia hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn góp thực thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành 1 chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào các khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các Công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết. Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, bao gồm cả việc ghi nhận khoản lỗ trong Công ty Liên doanh, liên kết, Công ty áp dụng các quy định của Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính để xác định xem có cần phải ghi nhận thêm khoản lỗ do giảm giá trị khoản đầu tư thuần của nhà đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết bị suy giảm được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Tồn thất tài sản”

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có các điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các Công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

### **3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i>               | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 25 - 45                        |
| - Máy móc, thiết bị               | 06 - 10                        |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10                        |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06                        |

### **3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

### 3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 3.11 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ.

#### *Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **3.12 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

## **3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

### **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 10%.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                 | VND                | VND                |
| Tiền mặt                        | 210.172.456        | 502.350.598        |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.112.542          | 4.287.383          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>217.284.998</b> | <b>506.637.981</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

|   | 31/12/2024     |                             | 01/01/2024 |                             |
|---|----------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|
|   | Giá gốc        | Giá trị ghi sổ theo PP VCSH | Giá gốc    | Giá trị ghi sổ theo PP VCSH |
|   | VND            | VND                         | VND        | VND                         |
| Đầu tư vào công ty liên kết   | 47.950.000.000 | 47.914.666.450              | -          | 47.950.000.000              |
| + Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn (*)                            | 24.150.000.000 | 24.145.465.329              | -          | 24.150.000.000              |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành (*) | 23.800.000.000 | 23.769.201.121              | -          | 23.800.000.000              |
|   | 47.950.000.000 | 47.914.666.450              | -          | 47.950.000.000              |

(\*) Giá trị ghi sổ Theo phương pháp vốn chủ sở hữu của hai công ty liên kết trên được lập dựa trên báo cáo tài chính của công ty đó tại ngày 30/06/2023. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi các khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình tài chính sẽ được cải thiện.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                       | Địa chỉ  | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính                 |
|---|--|---------------|------------------------|--|
|   |  |               |                        |  |
| Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn                            | Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang                                       | 35%           | 35%                    | Hoạt động dịch vụ trồng trọt               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành | Số nhà 95, đường Lê Hồng Phong, tổ 22, phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 33,25%        | 35%                    | Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

|  | 31/12/2024            |                 | 01/01/2024           |                 |
|--|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|  | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>                      | <b>18.502.713.000</b> | -               | <b>5.099.981.976</b> | -               |
| - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng sạch Việt Nam | -                     | -               | 4.886.981.976        | -               |
| - Công ty CP KT và TMDV NN An Phát                           | 2.472.333.000         | -               | -                    | -               |
| - Công ty Cổ phần Dầu tư 268                                 | 2.036.600.000         | -               | -                    | -               |
| - Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển TM NN Nam Gia         | 3.749.740.000         | -               | -                    | -               |
| - Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành                        | 9.981.540.000         | -               | -                    | -               |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác                         | 262.500.000           | -               | 213.000.000          | -               |
| <b>Cộng</b>  | <b>18.502.713.000</b> | -               | <b>5.099.981.976</b> | -               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

|                           | 31/12/2024            |                 | 01/01/2024            |                 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                           | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| <b>Dài hạn</b>            | <b>55.129.000.000</b> | -               | <b>41.129.000.000</b> | -               |
| - Nguyễn Thị Hoàng Thảo   | -                     | -               | 9.000.000.000         | -               |
| - Nguyễn Thị Tuyền        | -                     | -               | 5.500.000.000         | -               |
| - Phạm Thị Hương          | -                     | -               | 7.000.000.000         | -               |
| - Nguyễn Văn Phong        | -                     | -               | 5.000.000.000         | -               |
| - Nguyễn Tiến Thịnh (*)   | 5.000.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Nguyễn Tiến Đạt (*)     | 5.000.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Nguyễn Thọ Tiền (*)     | 6.000.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Nguyễn Thị Mỹ Nương (*) | 8.000.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Hồ Thị Bích Ly (*)      | 5.500.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Trịnh Thị Ngọc Châu (*) | 6.000.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Trương Thị Thúy Hà (*)  | 5.000.000.000         | -               | -                     | -               |
| - Ông Vũ Chí Đức (**)     | 14.629.000.000        | -               | 14.629.000.000        | -               |
| <b>Cộng</b>               | <b>55.129.000.000</b> | -               | <b>41.129.000.000</b> | -               |

(\*) Hợp đồng cho vay với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 36 tháng, không có tài sản đảm bảo, mục đích: Cung cấp nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 16/05/2024 Công ty đã thu được toàn bộ gốc và lãi của hợp đồng trên.

(\*\*) Phải thu về cho vay các cá nhân theo hợp đồng số 01/2023/GLHB-CN ngày 26/02/2023 với lãi suất 6%/ năm, thời hạn cho vay là 36 tháng, mục đích: Cung cấp nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

|   | 31/12/2024            |                 | 01/01/2024            |                 |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| <b>Ngắn hạn</b>                                     | <b>37.901.868.165</b> | -               | <b>34.222.505.716</b> | -               |
| - Tạm ứng Công nhân viên công ty mẹ                 | 3.500.000.000         | -               | 8.500.000.000         | -               |
| - Tạm ứng Công nhân viên công ty con                | 32.000.000.000        | -               | 15.500.000.000        | -               |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty mẹ  | 633.863.011           | -               | 9.342.611.111         | -               |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty con | 222.000.000           | -               | 793.971.602           | -               |
| - Các khoản phải thu khác                           | 1.546.005.154         | -               | 85.923.003            | -               |
| <b>Dài hạn</b>                                      | <b>171.177.000</b>    | -               | <b>171.177.000</b>    | -               |
| - Ký cược, ký quỹ                                   | 171.177.000           | -               | 171.177.000           | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b>38.073.045.165</b> | -               | <b>34.393.682.716</b> | -               |

9. HÀNG TỒN KHO

|                  | 31/12/2024         |                 | 01/01/2024         |                 |
|------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                  | Giá gốc<br>VND     | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND     | Dự phòng<br>VND |
| Công cụ, dụng cụ | 107.900.000        | -               | 107.900.000        | -               |
| Hàng hóa         | 214.450.000        | -               | -                  | -               |
| <b>Cộng</b>      | <b>322.350.000</b> | -               | <b>107.900.000</b> | -               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                     | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị<br>dùng cụ<br>quản lý | Cộng             |
|---------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------------|
|                     | VND                      | VND                 | VND                                   | VND                            | VND              |
| NGUYÊN GIÁ          |                          |                     |                                       |                                |                  |
| Tại 01/01/2024      | 7.708.302.406            | 6.435.920.153       | 963.104.633                           | 91.501.000                     | 15.198.828.192   |
| Tại 31/12/2024      | 7.708.302.406            | 6.435.920.153       | 963.104.633                           | 91.501.000                     | 15.198.828.192   |
| HAO MÒN LŨY KẾ      |                          |                     |                                       |                                |                  |
| Tại 01/01/2024      | (6.277.194.255)          | (5.623.920.153)     | (963.104.633)                         | (91.501.000)                   | (12.955.720.041) |
| - Khấu hao trong kỳ | (334.332.446)            | (243.600.000)       | -                                     | -                              | (577.932.446)    |
| Tại 31/12/2024      | (6.611.526.701)          | (5.867.520.153)     | (963.104.633)                         | (91.501.000)                   | (13.533.652.487) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI     |                          |                     |                                       |                                |                  |
| Tại 01/01/2024      | 1.431.108.151            | 812.000.000         | -                                     | -                              | 2.243.108.151    |
| Tại 31/12/2024      | 1.096.775.705            | 568.400.000         | -                                     | -                              | 1.665.175.705    |

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 9.686.057.815 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                         | 31/12/2024    | 01/01/2024    |
|-------------------------|---------------|---------------|
|                         | VND           | VND           |
| Xây dựng cơ bản dở dang |               |               |
| - Xây dựng cơ bản khác  | 6.034.365.131 | 6.034.365.131 |
| Cộng                    | 6.034.365.131 | 6.034.365.131 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

|   | 31/12/2024            |                       | 01/01/2024            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                      | <b>40.478.857.560</b> | <b>40.478.857.560</b> | <b>11.888.214.587</b> | <b>11.888.214.587</b> |
| - Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Phạm Quân                | 5.149.096.128         | 5.149.096.128         | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH Nội thất Tây Bắc Việt Nam                | 3.571.400.160         | 3.571.400.160         | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH Vận tải và Thương mại tổng hợp Tiến Dũng | 2.097.892.553         | 2.097.892.553         | 2.097.892.553         | 2.097.892.553         |
| - Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường               | 2.097.048.000         | 2.097.048.000         | 2.097.048.000         | 2.097.048.000         |
| - Công ty TNHH XD và vận tải Hà Lào                     | 6.428.166.480         | 6.428.166.480         | 5.732.486.640         | 5.732.486.640         |
| - Hợp tác xã Tơ Tầm Sơn Lương                           | 12.100.000.000        | 12.100.000.000        | 664.592.366           | 664.592.366           |
| - Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh                 | 988.000.000           | 988.000.000           | 849.775.829           | 849.775.829           |
| - Các đối tượng khác                                    | 8.047.254.239         | 8.047.254.239         | 446.419.199           | 446.419.199           |

Cộng

|                |                |                |                |
|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 40.478.857.560 | 40.478.857.560 | 11.888.214.587 | 11.888.214.587 |
|----------------|----------------|----------------|----------------|

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung

|  | 31/12/2024           |                       | Trong năm |      | 01/01/2024           |                       |
|--|----------------------|-----------------------|-----------|------|----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Tăng      | Giảm | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
|  |                      |                       |           |      |                      |                       |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                        | <b>2.230.000.000</b> | <b>2.230.000.000</b>  | -         | -    | <b>2.230.000.000</b> | <b>2.230.000.000</b>  |
| - Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam (*) | 2.230.000.000        | 2.230.000.000         | -         | -    | 2.230.000.000        | 2.230.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                | <b>2.230.000.000</b> | <b>2.230.000.000</b>  | -         | -    | <b>2.230.000.000</b> | <b>2.230.000.000</b>  |

(\*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                 | <b>31/12/2024</b>  | <b>01/01/2024</b>  |
|-----------------|--------------------|--------------------|
|                 | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| <b>Ngắn hạn</b> | <b>431.545.116</b> | <b>431.545.116</b> |
| - Chi phí khác  | 431.545.116        | 431.545.116        |
| <b>Cộng</b>     | <b>431.545.116</b> | <b>431.545.116</b> |

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                      | <b>31/12/2024</b> | <b>01/01/2024</b> |
|----------------------|-------------------|-------------------|
|                      | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| <b>Ngắn hạn</b>      | <b>45.034.000</b> | <b>12.860.000</b> |
| - Kinh phí công đoàn | 12.860.000        | 12.860.000        |
| - Bảo hiểm xã hội    | 32.174.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>          | <b>45.034.000</b> | <b>12.860.000</b> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục                        | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Cổ phiếu<br>quỹ | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác<br>thuộc VCSH | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Lợi ích<br>cổ đông<br>không kiểm soát | Tổng cộng       |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------|--------------------------|------------------------|---|---------------------------------------|-----------------|
|                                  | VND                          | VND             | VND                      | VND                    | VND                                     | VND                                   | VND             |
| Tại 01/01/2023                   | 246.330.000.000              | (1.910.000)     | 5.145.322.665            | 2.796.306.978          | (137.900.083.376)                       | 2.688.986.761                         | 119.058.623.028 |
| - Lãi trong năm<br>trước         | -                            | -               | -                        | -                      | 3.126.158.043                           | 118.841.229                           | 3.244.999.272   |
| - Tăng do hợp nhất<br>kinh doanh | -                            | -               | -                        | -                      | 1.800                                   | -                                     | 1.800           |
| Tại 31/12/2023                   | 246.330.000.000              | (1.910.000)     | 5.145.322.665            | 2.796.306.978          | (134.773.923.533)                       | 2.807.827.990                         | 122.303.624.100 |
| Tại 01/01/2024                   | 246.330.000.000              | (1.910.000)     | 5.145.322.665            | 2.796.306.978          | (134.773.923.533)                       | 2.807.827.990                         | 122.303.624.100 |
| - Lợi nhuận trong<br>năm nay     | -                            | -               | -                        | -                      | 1.629.126.525                           | 48.140.774                            | 1.677.267.299   |
| Tại 31/12/2024                   | 246.330.000.000              | (1.910.000)     | 5.145.322.665            | 2.796.306.978          | (133.144.797.008)                       | 2.855.968.764                         | 123.980.891.399 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

|                                       | Năm 2024        | Năm 2023        |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                       | VND             | VND             |
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>      |                 |                 |
| + Vốn góp đầu năm                     | 246.330.000.000 | 246.330.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm              | -               | -               |
| + Vốn góp giảm trong năm              | -               | -               |
| + Vốn góp cuối năm                    | 246.330.000.000 | 246.330.000.000 |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b> | -               | -               |

**16.3 CỔ PHIẾU**

|   | Năm 2024   | Năm 2023   |
|---|------------|------------|
|   | CP         | CP         |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành     | 24.633.000 | 24.633.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng  | 24.633.000 | 24.633.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>               | 24.633.000 | 24.633.000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                  | -          | -          |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại          | 191        | 191        |
| + <i>Cổ phiếu thường</i>                  | 191        | 191        |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                  | -          | -          |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành         | 24.632.809 | 24.632.809 |
| + <i>Cổ phiếu thường</i>                  | 24.632.809 | 24.632.809 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                  | -          | -          |
| * <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i> | 10.000     | 10.000     |

**16.4 CÁC QUỸ**

|                                 | 31/12/2024           | 01/01/2024           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| - Quỹ đầu tư phát triển         | 5.145.322.665        | 5.145.322.665        |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 2.796.306.978        | 2.796.306.978        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>7.941.629.643</b> | <b>7.941.629.643</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                              | Năm 2024              | Năm 2023              |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                              | VND                   | VND                   |
| - Doanh thu bán hàng         | 21.647.199.385        | 16.131.266.000        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 11.918.016.667        | 35.222.176.478        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>33.565.216.052</b> | <b>51.353.442.478</b> |

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                        | Năm 2024              | Năm 2023              |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                        | VND                   | VND                   |
| - Giá vốn bán hàng hóa | 20.226.005.999        | 14.518.139.400        |
| - Giá vốn dịch vụ      | 11.600.000.000        | 33.449.702.449        |
| <b>Cộng</b>            | <b>31.826.005.999</b> | <b>47.967.841.849</b> |

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                              | Năm 2024             | Năm 2023             |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
|                              | VND                  | VND                  |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 2.117.748.097        | 2.382.222.498        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>2.117.748.097</b> | <b>2.382.222.498</b> |

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                          | Năm 2024          | Năm 2023          |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
|                          | VND               | VND               |
| - Chi phí tài chính khác | 10.120.297        | 16.298.735        |
| <b>Cộng</b>              | <b>10.120.297</b> | <b>16.298.735</b> |

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|   | Năm 2024             | Năm 2023             |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| <b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>2.169.570.644</b> | <b>1.476.850.836</b> |
| - Chi phí nhân viên quản lý                   | 1.170.840.000        | 1.028.032.000        |
| - Chi phí khấu hao Tài sản cố định            | 577.932.446          | 325.238.356          |
| - Thuế, phí và lệ phí                         | 17.556.995           | 107.271.393          |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 403.241.203          | 16.309.087           |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>2.169.570.644</b> | <b>1.476.850.836</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|  | Năm 2024      | Năm 2023      |
|--|---------------|---------------|
|  | VND           | VND           |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)    | 2.387.228.360 | 3.126.158.043 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) | 24.632.809    | 24.632.809    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)                                | 97            | 127           |

**23. THÔNG TIN KHÁC**

**23.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thông tin về các bên liên quan

(Đơn vị tính: VND)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị

|   | Năm 2024<br>VND    | Năm 2023<br>VND    |
|---|--------------------|--------------------|
| Thu nhập của các thành viên Ban Tổng giám đốc |                    |                    |
| Ông Nguyễn Đức Thắng                          | 96.000.000         | 96.000.000         |
| Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị  |                    |                    |
| Ông Hoàng Quốc Tùng                           | 60.000.000         | 60.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>156.000.000</b> | <b>156.000.000</b> |

**23.2. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng